



City of Ebetsu

Garbage Collection Calendar

ごみしゅうしゅう かれんだー
Lịch Thu Gom rác

01

みどりまち (ひがし・にし)

Midorimachi (higashi · nishi)

じょうちょうめ
Jo-chome

ゆめみの (ひがしまち・みなみまち)
Yumemino (higashimachi · minamimachi)

かみえべつ (しがいち・ひがしまち・にしまち・みなみまち)
Kamiebetsu (khu phố · higashimachi · nishimachi · minamimachi)



もえるごみ
Rác cháy được



ゆうりょうのふくろ
Túi có tính phí



なまごみ
Rác tươi



かみりい
Các loại giấy



ぶらすちっく(うすい)
Nhựa (loại mỏng)



いるい
Quần áo



もえないごみ
Rác không cháy được



ゆうりょうのふくろ
Túi có tính phí



もくろい
Các loại cây, gỗ



こがたかく・しきもの・きんぞく
Vật dụng gia dụng nhỏ ·
Thảm · Kim Loại



がらす・とうき・きんぞく
Kính · Sành / Gốm sứ ·
Kim Loại



ぶらすちっく(あつい)
Nhựa (loại dày)



しげんごみ
Rác tái chế



とうめい
びにーる
ぶくろ
Túi nilong
trong suốt



しろいろとれい
Khay xếp màu trắng



びん・かん
Chai · Lon



べつとぼとる
Chai nhựa



かみばつく
Thùng giấy



きけんごみ
Rác nguy hiểm



とうめい
びにーる
ぶくろ
Túi nilong
trong suốt



すぶれーかん
Bình xịt



けいこうかん
Ống huỳnh quang



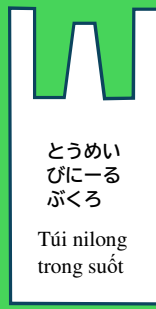
でんち
Pin



がす・おいるらいたー
Ga · Bật lửa



ぺつとぼとる
Chai nhựa



とうめい
びにーる
ぶくろ
Túi nilong
trong suốt



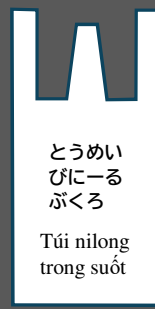
べつとぼとる
Chai nhựa

※べつとぼとるせんようのひのため、
ほかのしげんごみはだせません

※べつとぼとるせんようのひのため、
ほかのしげんごみはだせません
Vì đây là một ngày dành riêng cho chai nhựa, không có
thùng rác nào khác có thể được giải phóng.



おむつ
Tã, Bỉm



とうめい
びにーる
ぶくろ
Túi nilong
trong suốt



しょうずみおむつ
Tã, Bỉm đã qua sử dụng

おむつふき
Khăn lau tã

かみばんつ
Tã, Bỉm giấy



10 Oct 2026

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1	2	3
4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17
18	19	20	21	22	23	24
25	26	27	28	29	30	31

11 Nov 2026

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
1	2	3	4	5	6	7
8	9	10	11	12	13	14
15	16	17	18	19	20	21
22	23	24	25	26	27	28
29	30					

12 Dec 2026

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1	2	3	4	5
6	7	8	9	10	11	12
13	14	15	16	17	18	19
20	21	22	23	24	25	26
27	28	29	30	31		

1 Jan 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1	2
3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16
17	18	19	20	21	22	23
24	25	26	27	28	29	30
31						

2 Feb 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1 	2 	3	4 	5	6
7	8 	9 	10	11 	12	13
14	15 	16 	17	18 	19	20
21	22 	23 	24	25 	26	27
28						

3 Mar 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1 	2 	3	4 	5	6
7	8 	9 	10	11 	12	13
14	15 	16 	17	18 	19	20
21	22 	23 	24	25 	26	27
28	29 	30	31			

4 Apr 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1 	2	3
4	5 	6 	7	8 	9	10
11	12 	13 	14	15 	16	17
18	19 	20 	21	22 	23	24
25	26 	27 	28	29 	30	

5 May 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
						1
2	3 	4 	5	6 	7	8
9	10 	11 	12	13 	14	15
16	17 	18 	19	20 	21	22
23	24 	25 	26	27 	28	29
30	31 					

6 Jun 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1 	2	3 	4	5
6	7 	8 	9	10 	11	12
13	14 	15 	16	17 	18	19
20	21 	22 	23	24 	25	26
27	28 	29	30			

7 Jul 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1 	2	3
4	5 	6 	7	8 	9	10
11	12 	13 	14	15 	16	17
18	19 	20 	21	22 	23	24
25	26 	27 	28	29 	30	31

8 Aug 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
1	2 	3 	4	5 	6	7
8	9 	10 	11	12 	13	14
15	16 	17 	18	19 	20	21
22	23 	24 	25	26 	27	28
29	30 	31				

9 Sep 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1	2 	3	4
5	6 	7 	8	9 	10	11
12	13 	14 	15	16 	17	18
19	20 	21 	22	23 	24	25
26	27 	28 	29	30 		



City of Ebetsu

Garbage Collection Calendar

ごみしゅうしゅう かれんだー
Lịch Thu Gom rác

02

あけぼのちょう あさひちょう とうこうちょう はぎがおか
Akebonocho Asahicho Tokocho Hagigaoka
えべつぶと (しがいち) いずみの おうじ
Ebetsubuto (khu phố) Izumino Oji
もえぎの (ちゅうおう・ひがし・にし)
Moegino (chuo・higashi・nishi)
とよほろ(しがいち・はなぞのちょう・はみんぐちょう・みさきちょう)
Toyohoro (khu phố・hanazonocho・hamingucho・misakicho)

もえるごみ
Rác cháy được

江別市指定ごみ袋
5リットル
ゆうりょうのふくろ
Túi có tính phí

なまごみ
Rác tươi

かみりい
Các loại giấy

ぶらすちっく(うすい)
Nhựa (loại mỏng)

いるい
Quần áo

もえないごみ
Rác không cháy được

江別市指定ごみ袋
5リットル
ゆうりょうのふくろ
Túi có tính phí

もくろい
Các loại cây, gỗ

こがたかぐ・しきもの・きんぞく
Vật dụng gia dụng nhỏ・
Thảm・Kim Loại

がらす・とうき・きんぞく
Kính・Sàn / Gốm sứ・
Kim Loại

ぶらすちっく(あつい)
Nhựa (loại dày)

しげんごみ
Rác tái chế

とうめい
びにーる
ぶくろ
Túi nilong
trong suốt

しろいろとれい
Khay xếp màu trắng

びん・かん
Chai・Lon

べつとぼとる
Chai nhựa

かみばつく
Thùng giấy

きけんごみ
Rác nguy hiểm

とうめい
びにーる
ぶくろ
Túi nilong
trong suốt

すびれーかん
Bình xịt

けいこうかん
Ống huỳnh quang

でんち
Pin

がす・おいるらいたー
Ga・Bật lửa

PET
ぺつとぼとる
Chai nhựa

とうめい
びにーる
ぶくろ
Túi nilong
trong suốt

べつとぼとる
Chai nhựa

※べつとぼとるせんようのひのため、
ほかのしげんごみはだせません
Vì đây là một ngày dành riêng cho chai nhựa, không có
thùng rác nào khác có thể được giải phóng.

おむつ
Tã, Bỉm

とうめい
びにーる
ぶくろ
Túi nilong
trong suốt

しょうずみおむつ
Tã, Bỉm đã qua sử dụng

おむつふき
Khăn lau tã

かみばんつ
Tã, Bỉm giấy

10 Oct 2026

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1	2	3
4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17
18	19	20	21	22	23	24
25	26	27	28	29	30	31

11 Nov 2026

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
1	2	3	4	5	6	7
8	9	10	11	12	13	14
15	16	17	18	19	20	21
22	23	24	25	26	27	28
29	30					

12 Dec 2026

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1	2	3	4	5
6	7	8	9	10	11	12
13	14	15	16	17	18	19
20	21	22	23	24	25	26
27	28	29	30	31		

1 Jan 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1	2
3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16
17	18	19	20	21	22	23
24	25	26	27	28	29	30
31						

2 Feb 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1 	2 	3	4 	5	6
7	8 	9 	10	11 	12	13
14	15 	16 	17	18 	19	20
21	22 	23 	24	25 	26	27
28						

3 Mar 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1 	2 	3	4 	5	6
7	8 	9 	10	11 	12	13
14	15 	16 	17	18 	19	20
21	22 	23 	24	25 	26	27
28	29 	30	31			

4 Apr 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1 	2	3
4	5 	6 	7	8 	9	10
11	12 	13 	14	15 	16	17
18	19 	20 	21	22 	23	24
25	26 	27 	28	29 	30	

5 May 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
						1
2	3 	4 	5	6 	7	8
9	10 	11 	12	13 	14	15
16	17 	18 	19	20 	21	22
23	24 	25 	26	27 	28	29
30	31 					

6 Jun 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1 	2	3 	4	5
6	7 	8 	9	10 	11	12
13	14 	15 	16	17 	18	19
20	21 	22 	23	24 	25	26
27	28 	29	30			

7 Jul 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1 	2	3
4	5 	6 	7	8 	9	10
11	12 	13 	14	15 	16	17
18	19 	20 	21	22 	23	24
25	26 	27 	28	29 	30	31

8 Aug 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
1	2 	3 	4	5 	6	7
8	9 	10 	11	12 	13	14
15	16 	17 	18	19 	20	21
22	23 	24 	25	26 	27	28
29	30 	31				

9 Sep 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1	2 	3	4
5	6 	7 	8	9 	10	11
12	13 	14 	15	16 	17	18
19	20 	21 	22	23 	24	25
26	27 	28 	29	30 		



City of Ebetsu

Garbage Collection Calendar

ごみしゅうしゅう かれんだー
Lịch Thu Gom rác

03

ついしかり
Tsuishikari

もとえべつ
Motoebetsu

もとえべつほんちょう
Motoebetsuhoncho

もとまち
Motomachi

わかくさちょう
Wakakusacho

いちばんちょう
Ichibancho

やよいちょう
Yayoicho

のっぽろまつなみちょう
Nopporomatsunamicho

さいわいちょう
Saiwaicho

にしきまち
Nishikimachi



もえるごみ
Rác cháy được



ゆうりょうのふくろ
Túi có tính phí



なまごみ
Rác tươi



かみりい
Các loại giấy



ぶらすちっく(うすい)
Nhựa (loại mỏng)



いるい
Quần áo



もえないごみ
Rác không cháy được



ゆうりょうのふくろ
Túi có tính phí



もくろい
Các loại cây, gỗ



こがたかぐ・しきもの・きんぞく
Vật dụng gia dụng nhỏ・
Thảm・Kim Loại



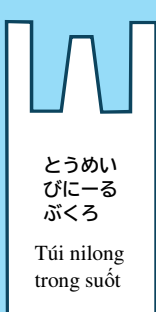
がらす・とうき・きんぞく
Kính・Sành / Gốm sứ・
Kim Loại



ぶらすちっく(あつい)
Nhựa (loại dày)



しげんごみ
Rác tái chế



とうめい
びにーる
ぶくろ
Túi nilong
trong suốt



しろいろとれい
Khay xốp màu trắng



びん・かん
Chai・Lon



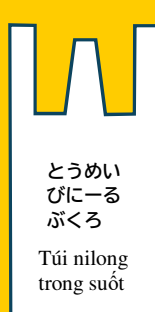
べっとぼとる
Chai nhựa



かみばっく
Thùng giấy



きけんごみ
Rác nguy hiểm



とうめい
びにーる
ぶくろ
Túi nilong
trong suốt



すぶれーかん
Bình xịt



けいこうかん
Ống huỳnh quang



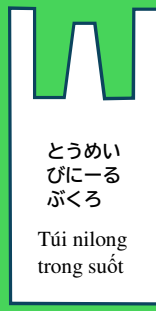
でんち
Pin



がす・おいるらいたー
Ga・Bật lửa



ぺっとぼとる
Chai nhựa



とうめい
びにーる
ぶくろ
Túi nilong
trong suốt



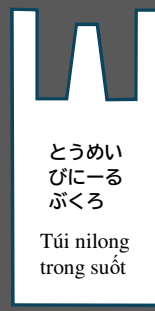
べっとぼとる
Chai nhựa

※べっとぼとるせんようのひのため、
ほかのしげんごみはだせません

※ベットボとるは、
Vật này là một ngày dành riêng cho chai nhựa, không có
thùng rác nào khác có thể được giải phóng.



おむつ
Tã, Bỉm



とうめい
びにーる
ぶくろ
Túi nilong
trong suốt



しょうずみおむつ
Tã, Bỉm đã qua sử dụng

おむつふき
Khăn lau tã

かみばんつ
Tã, Bỉm giấy



10 Oct 2026

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1	2	3
4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17
18	19	20	21	22	23	24
25	26	27	28	29	30	31

11 Nov 2026

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
1	2	3	4	5	6	7
8	9	10	11	12	13	14
15	16	17	18	19	20	21
22	23	24	25	26	27	28
29	30					

12 Dec 2026

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1	2	3	4	5
6	7	8	9	10	11	12
13	14	15	16	17	18	19
20	21	22	23	24	25	26
27	28	29	30	31		

1 Jan 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1	2
3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16
17	18	19	20	21	22	23
24	25	26	27	28	29	30
31						

2 Feb 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3	4	5	6
7	8	9	10	11	12	13
14	15	16	17	18	19	20
21	22	23	24	25	26	27
28						

3 Mar 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3	4	5	6
7	8	9	10	11	12	13
14	15	16	17	18	19	20
21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31			

4 Apr 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1	2	3
4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17
18	19	20	21	22	23	24
25	26	27	28	29	30	

5 May 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
						1
2	3	4	5	6	7	8
9	10	11	12	13	14	15
16	17	18	19	20	21	22
23	24	25	26	27	28	29
30	31					

6 Jun 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1	2	3	4	5
6	7	8	9	10	11	12
13	14	15	16	17	18	19
20	21	22	23	24	25	26
27	28	29	30			

7 Jul 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1	2	3
4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17
18	19	20	21	22	23	24
25	26	27	28	29	30	31

8 Aug 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
1	2	3	4	5	6	7
8	9	10	11	12	13	14
15	16	17	18	19	20	21
22	23	24	25	26	27	28
29	30	31				

9 Sep 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1	2	3	4
5	6	7	8	9	10	11
12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25
26	27	28	29	30		



City of Ebetsu

Garbage Collection Calendar

ごみしゅうしゅう かれんだー
Lịch Thu Gom rác

04

まきばちょう
Makibacho

むこうがおか
Mukogaoka

のっぽろちょう
Nopporocho

ひがしのっぽろちょう
Higashinopporocho

みはらしだい
Miharashidai

たかさごちょう
Takasagocho



もえるごみ
Rác cháy được



ゆうりょうのふくろ
Túi có tính phí



なまごみ
Rác tươi



かみりい
Các loại giấy



ぶらすちっく(うすい)
Nhựa (loại mỏng)



いるい
Quần áo



もえないごみ
Rác không cháy được



ゆうりょうのふくろ
Túi có tính phí



もくろい
Các loại cây, gỗ



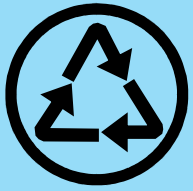
こがたかぐ・しきもの・きんぞく
Vật dụng gia dụng nhỏ・
Thảm・Kim Loại



がらす・とうき・きんぞく
Kính・Sành / Gốm sứ・
Kim Loại



ぶらすちっく(あつい)
Nhựa (loại dày)



しげんごみ
Rác tái chế



とうめい
びにーる
ぶくろ

Túi nilong
trong suốt



しろいろとれい
Khay xốp màu trắng



びん・かん
Chai・Lon



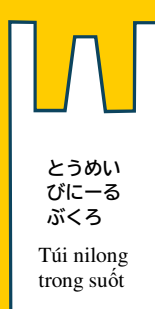
べっとぼとる
Chai nhựa



かみばつく
Thùng giấy



きけんごみ
Rác nguy hiểm



とうめい
びにーる
ぶくろ

Túi nilong
trong suốt



すびれーかん
Bình xịt



けいこうかん
Ống huỳnh quang



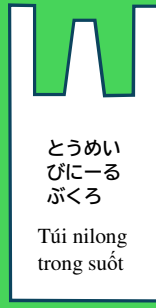
でんち
Pin



がす・おいるらいたー
Ga・Bật lửa



ぺっとぼとる
Chai nhựa



とうめい
びにーる
ぶくろ

Túi nilong
trong suốt



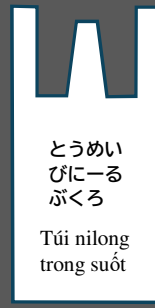
べっとぼとる
Chai nhựa

※べっとぼとるせんようのひのため、
ほかのしげんごみはだせません

※ベットボとるせんようのひのため、
ほかのしげんごみはだせません
Vì đây là một ngày dành riêng cho chai nhựa, không có
thùng rác nào khác có thể được giải phóng.



おむつ
Tã, Bỉm

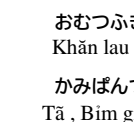


とうめい
びにーる
ぶくろ

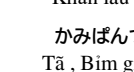
Túi nilong
trong suốt



しょうずみおむつ
Tã, Bỉm đã qua sử dụng



おむつふき
Khăn lau tã



かみばんつ
Tã, Bỉm giấy

10 Oct

2026

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1	2	3
4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17
18	19	20	21	22	23	24
25	26	27	28	29	30	31

11 Nov

2026

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
1	2	3	4	5	6	7
8	9	10	11	12	13	14
15	16	17	18	19	20	21
22	23	24	25	26	27	28
29	30					

12 Dec

2026

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1	2	3	4	5
6	7	8	9	10	11	12
13	14	15	16	17	18	19
20	21	22	23	24	25	26
27	28	29	30	31		

1 Jan

2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1	2
3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16
17	18	19	20	21	22	23
24	25	26	27	28	29	30
31						

2 Feb 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3	4	5	6
7	8	9	10	11	12	13
14	15	16	17	18	19	20
21	22	23	24	25	26	27
28						

3 Mar 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3	4	5	6
7	8	9	10	11	12	13
14	15	16	17	18	19	20
21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31			

4 Apr 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1	2	3
4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17
18	19	20	21	22	23	24
25	26	27	28	29	30	

5 May 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
						1
2	3	4	5	6	7	8
9	10	11	12	13	14	15
16	17	18	19	20	21	22
23	24	25	26	27	28	29
30	31					

6 Jun 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1	2	3	4	5
6	7	8	9	10	11	12
13	14	15	16	17	18	19
20	21	22	23	24	25	26
27	28	29	30			

7 Jul 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1	2	3
4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17
18	19	20	21	22	23	24
25	26	27	28	29	30	31

8 Aug 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
1	2	3	4	5	6	7
8	9	10	11	12	13	14
15	16	17	18	19	20	21
22	23	24	25	26	27	28
29	30	31				

9 Sep 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1	2	3	4
5	6	7	8	9	10	11
12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25
26	27	28	29	30		



City of Ebetsu

Garbage Collection Calendar

ごみしゅうしゅう かれんだー
Lịch Thu Gom rác

05

のっぽろわかばちょう
Nopporowakabacho

こうえいちょう
Koeicho

かくやま
Kakuyama

おおあさ (のうそんちく) もとのっぽろ (のうそんちく)
Oasa (vùng nông thôn, làng) Motonopporo (vùng nông thôn, làng)

えべつぶと (のうそんちく) とよほろ (のうそんちく)
Ebetsubuto (vùng nông thôn, làng) Toyohoro (vùng nông thôn, làng)



もえるごみ
Rác cháy được



ゆうりょうのふくろ
Túi có tính phí



なまごみ
Rác tươi



かみりい
Các loại giấy



ぶらすちっく(うすい)
Nhựa (loại mỏng)



いるい
Quần áo



もえないごみ
Rác không cháy được



ゆうりょうのふくろ
Túi có tính phí



もくろい
Các loại cây, gỗ



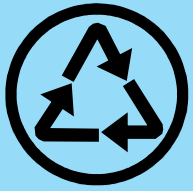
こがたかく・しきもの・きんぞく
Vật dụng gia dụng nhỏ・
Thảm・Kim Loại



がらす・とうき・きんぞく
Kính・Sàn / Gốm sứ・
Kim Loại



ぶらすちっく(あつい)
Nhựa (loại dày)



しげんごみ
Rác tái chế



とうめい
びにーる
ぶくろ

Túi nilong
trong suốt



しろいろとれい
Khay xốp màu trắng



びん・かん
Chai・Lon



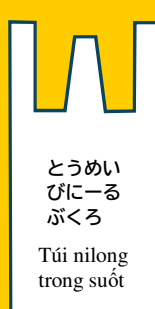
べっとぼとる
Chai nhựa



かみばっく
Thùng giấy



きけんごみ
Rác nguy hiểm



とうめい
びにーる
ぶくろ

Túi nilong
trong suốt



すびれーかん
Bình xịt



けいこうかん
Ống huỳnh quang



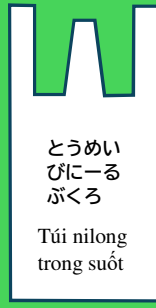
でんち
Pin



がす・おいるらいたー
Ga・Bật lửa



ぺっとぼとる
Chai nhựa



とうめい
びにーる
ぶくろ

Túi nilong
trong suốt



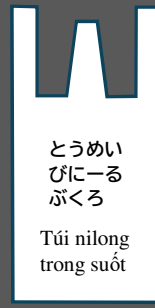
べっとぼとる
Chai nhựa

※べっとぼとるせんようのひのため、
ほかのしげんごみはだせません

※ベットボとるせんようのひのため、
ほかのしげんごみはだせません
Vì đây là một ngày dành riêng cho chai nhựa, không có
thùng rác nào khác có thể được giải phóng.



おむつ
Tã, Bỉm



とうめい
びにーる
ぶくろ

Túi nilong
trong suốt



しょうずみおむつ
Tã, Bỉm đã qua sử dụng

おむつふき
Khăn lau tã

かみばんつ
Tã, Bỉm giấy



10 Oct 2026

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1	2	3
4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17
18	19	20	21	22	23	24
25	26	27	28	29	30	31

11 Nov 2026

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
1	2	3	4	5	6	7
8	9	10	11	12	13	14
15	16	17	18	19	20	21
22	23	24	25	26	27	28
29	30					

12 Dec 2026

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1	2	3	4	5
6	7	8	9	10	11	12
13	14	15	16	17	18	19
20	21	22	23	24	25	26
27	28	29	30	31		

1 Jan 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1	2
3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16
17	18	19	20	21	22	23
24	25	26	27	28	29	30
31						

2 Feb 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3	4	5	6
7	8	9	10	11	12	13
14	15	16	17	18	19	20
21	22	23	24	25	26	27
28						

3 Mar 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3	4	5	6
7	8	9	10	11	12	13
14	15	16	17	18	19	20
21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31			

4 Apr 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1	2	3
4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17
18	19	20	21	22	23	24
25	26	27	28	29	30	

5 May 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
						1
2	3	4	5	6	7	8
9	10	11	12	13	14	15
16	17	18	19	20	21	22
23	24	25	26	27	28	29
30	31					

6 Jun 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1	2	3	4	5
6	7	8	9	10	11	12
13	14	15	16	17	18	19
20	21	22	23	24	25	26
27	28	29	30			

7 Jul 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1	2	3
4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17
18	19	20	21	22	23	24
25	26	27	28	29	30	31

8 Aug 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
1	2	3	4	5	6	7
8	9	10	11	12	13	14
15	16	17	18	19	20	21
22	23	24	25	26	27	28
29	30	31				

9 Sep 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1	2	3	4
5	6	7	8	9	10	11
12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25
26	27	28	29	30		



City of Ebetsu

Garbage Collection Calendar

ごみしゅうしゅう かれんだー
Lịch Thu Gom rác

06

のっぽろよよぎちょう
Nopporoyoyogicho

ぶんきょうだい
Bunkyodai

ぶんきょうだいひがしまち
Bunkydaihigashimachi

ぶんきょうだいまなみまち
Bunkydaiminamimachi



もえるごみ
Rác cháy được



ゆうりょうのふくろ
Túi có tính phí



なまごみ
Rác tươi



かみりい
Các loại giấy



ぶらすちっく(うすい)
Nhựa (loại mỏng)



いるい
Quần áo



もえないごみ
Rác không cháy được



ゆうりょうのふくろ
Túi có tính phí



もくろい
Các loại cây, gỗ



こがたかく・しきもの・きんぞく
Vật dụng gia dụng nhỏ・
Thảm・Kim Loại



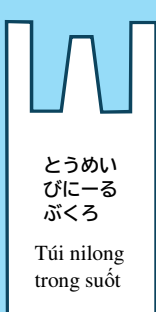
がらす・とうき・きんぞく
Kính・Sàn / Gốm sứ・
Kim Loại



ぶらすちっく(あつい)
Nhựa (loại dày)



しげんごみ
Rác tái chế



とうめい
びにーる
ぶくろ

Túi nilong
trong suốt



しろいろとれい
Khay xếp màu trắng



びん・かん
Chai・Lon



べっとぼとる
Chai nhựa



かみぱっく
Thùng giấy



きけんごみ
Rác nguy hiểm



とうめい
びにーる
ぶくろ

Túi nilong
trong suốt



すびれーかん
Bình xịt



けいこうかん
Ống huỳnh quang



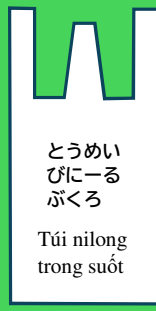
でんち
Pin



がす・おいるらいたー
Ga・Bật lửa



ぺっとぼとる
Chai nhựa



とうめい
びにーる
ぶくろ

Túi nilong
trong suốt



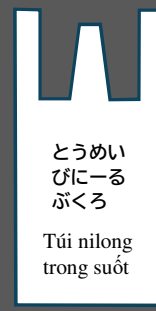
べっとぼとる
Chai nhựa

※べっとぼとるせんようのひのため、
ほかのしげんごみはだせません

※ベットボとるせんようのひのため、
ほかのしげんごみはだせません
Vì đây là một ngày dành riêng cho chai nhựa, không có
thùng rác nào khác có thể được giải phóng.



おむつ
Tã, Bỉm



とうめい
びにーる
ぶくろ

Túi nilong
trong suốt



しょうずみおむつ
Tã, Bỉm đã qua sử dụng

おむつふき
Khăn lau tã

かみぱんつ
Tã, Bỉm giấy



10 Oct

2026

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1 PET	2 Rác cháy được	3
4	5	6 Rác không cháy được	7	8 Rác tái chế	9 Rác cháy được	10
11	12	13 Rác không cháy được	14	15 Rác tái chế	16 Rác cháy được	17
18	19	20 Rác không cháy được	21	22 Rác tái chế	23 Rác cháy được	24
25	26	27 Rác không cháy được	28	29	30 Rác cháy được	31

11 Nov

2026

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
1	2	3 Rác cháy được	4	5 PET	6 Rác cháy được	7
8	9	10 Rác không cháy được	11	12 Rác tái chế	13 Rác cháy được	14
15	16	17 Rác không cháy được	18	19 Rác tái chế	20 Rác cháy được	21
22	23	24 Rác không cháy được	25	26 Rác tái chế	27 Rác cháy được	28
29	30					

12 Dec

2026

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1 Rác cháy được	2	3 PET	4 Rác cháy được	5
6	7	8 Rác không cháy được	9	10 Rác tái chế	11 Rác cháy được	12
13	14	15 Rác không cháy được	16	17 Rác tái chế	18 Rác cháy được	19
20	21	22 Rác không cháy được	23	24 Rác tái chế	25 Rác cháy được	26
27	28	29 Rác không cháy được	30	31		

1 Jan

2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1 Rác cháy được	2
3	4	5 Rác không cháy được	6	7 PET	8 Rác cháy được	9
10	11	12 Rác không cháy được	13	14 Rác tái chế	15 Rác cháy được	16
17	18	19 Rác không cháy được	20	21 Rác tái chế	22 Rác cháy được	23
24	25	26 Rác không cháy được	27	28 Rác tái chế	29 Rác cháy được	30
31						

2 Feb 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2  	3	4 	5  	6
7	8	9  	10	11  	12  	13
14	15	16  	17	18  	19  	20
21	22	23  	24	25  	26  	27
28						

3 Mar 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2  	3	4 	5  	6
7	8	9  	10	11  	12  	13
14	15	16  	17	18  	19  	20
21	22	23  	24	25  	26  	27
28	29	30  	31			

4 Apr 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1 	2  	3
4	5	6  	7	8  	9  	10
11	12	13  	14	15  	16  	17
18	19	20  	21	22  	23  	24
25	26	27  	28	29	30  	

5 May 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
						1
2	3	4  	5	6 	7  	8
9	10	11  	12	13  	14  	15
16	17	18  	19	20  	21  	22
23	24	25  	26	27  	28  	29
30	31					

6 Jun 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1  	2	3 	4  	5
6	7	8  	9	10  	11  	12
13	14	15  	16	17  	18  	19
20	21	22  	23	24  	25  	26
27	28	29  	30			

7 Jul 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1 	2  	3
4	5	6  	7	8  	9  	10
11	12	13  	14	15  	16  	17
18	19	20  	21	22  	23  	24
25	26	27  	28	29	30  	31

8 Aug 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
1	2	3  	4	5 	6  	7
8	9	10  	11	12  	13  	14
15	16	17  	18	19  	20  	21
22	23	24  	25	26  	27  	28
29	30	31  				

9 Sep 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1	2 	3  	4
5	6	7  	8	9  	10  	11
12	13	14  	15	16  	17  	18
19	20	21  	22	23  	24  	25
26	27	28  	29	30		



City of Ebetsu

Garbage Collection Calendar

ごみしゅうしゅう かれんだー
Lịch Thu Gom rác

07

のっぽろとんでんちょう Nopporotondencho
のっぽろみゆきちょう Nopporomiyukicho
のっぽろひがしまち Nopporohigashimachi
あさひがおか Asahigaoka
ひがしのっぽろ (しがいち) Higashinopporo (khu phố)
ひがしのっぽろほんちょう Higashinopporohoncho
みどりがおか Midorigaoka

もえるごみ
Rác cháy được

江別市指定ごみ袋
5リットル
ゆうりょうのふくろ
Túi có tính phí

なまごみ Rác tươi
かみりい Các loại giấy
がらすちく(うすい) Nhựa (loại mỏng)
いるい Quần áo

もえないごみ
Rác không cháy được

江別市指定ごみ袋
5リットル
ゆうりょうのふくろ
Túi có tính phí

もくろい Các loại cây, gỗ
こがたかぐ・しきもの・きんぞく Vật dụng gia dụng nhỏ・Thảm・Kim Loại
がらす・とうき・きんぞく Kính・Sàn / Gốm sứ・Kim Loại
がらすちく(あつい) Nhựa (loại dày)

しげんごみ
Rác tái chế

とうめいびにーる ぶくろ
Túi nilong trong suốt

しろいろとれい Khay xếp màu trắng
びん・かん Chai・Lon
べつとぼとる Chai nhựa
かみばつく Thùng giấy

きけんごみ
Rác nguy hiểm

とうめいびにーる ぶくろ
Túi nilong trong suốt

すびれーかん Bình xịt
けいこうかん Ống huỳnh quang
でんち Pin
がす・おいるらいたー Ga・Bật lửa

PET
ぺつとぼとる Chai nhựa

とうめいびにーる ぶくろ
Túi nilong trong suốt

べつとぼとる Chai nhựa
※べつとぼとるせんようのひのため、ほかのしげんごみはだせません
Vì đây là một ngày dành riêng cho chai nhựa, không có thùng rác nào khác có thể được giải phóng.

おむつ
Tã, Bỉm

とうめいびにーる ぶくろ
Túi nilong trong suốt

しょうずみおむつ Tã, Bỉm đã qua sử dụng
おむつふき Khăn lau tã
かみばんつ Tã, Bỉm giấy

10 Oct 2026

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1	2	3
4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17
18	19	20	21	22	23	24
25	26	27	28	29	30	31

11 Nov 2026

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
1	2	3	4	5	6	7
8	9	10	11	12	13	14
15	16	17	18	19	20	21
22	23	24	25	26	27	28
29	30					

12 Dec 2026

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1	2	3	4	5
6	7	8	9	10	11	12
13	14	15	16	17	18	19
20	21	22	23	24	25	26
27	28	29	30	31		

1 Jan 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1	2
3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16
17	18	19	20	21	22	23
24	25	26	27	28	29	30
31						

2 Feb 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2  	3	4  	5  	6
7	8	9  	10	11 	12  	13
14	15	16  	17	18  	19  	20
21	22	23  	24	25 	26  	27
28						

3 Mar 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2  	3	4  	5  	6
7	8	9  	10	11 	12  	13
14	15	16  	17	18  	19  	20
21	22	23  	24	25 	26  	27
28	29	30  	31			

4 Apr 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1  	2  	3
4	5	6  	7	8 	9  	10
11	12	13  	14	15  	16  	17
18	19	20  	21	22 	23  	24
25	26	27  	28	29	30  	

5 May 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
						1
2	3	4  	5	6  	7  	8
9	10	11  	12	13 	14  	15
16	17	18  	19	20  	21  	22
23	24	25  	26	27 	28  	29
30	31					

6 Jun 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1  	2	3  	4  	5
6	7	8  	9	10 	11  	12
13	14	15  	16	17  	18  	19
20	21	22  	23	24 	25  	26
27	28	29  	30			

7 Jul 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1  	2  	3
4	5	6  	7	8 	9  	10
11	12	13  	14	15  	16  	17
18	19	20  	21	22 	23  	24
25	26	27  	28	29	30  	31

8 Aug 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
1	2	3  	4	5  	6  	7
8	9	10  	11	12 	13  	14
15	16	17  	18	19  	20  	21
22	23	24  	25	26 	27  	28
29	30	31  				

9 Sep 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1	2  	3  	4
5	6	7  	8	9 	10  	11
12	13	14  	15	16  	17  	18
19	20	21  	22	23 	24  	25
26	27	28  	29	30		



City of Ebetsu

Garbage Collection Calendar

ごみしゅうしゅう かれんだー
Lịch Thu Gom rác

08

しんえいだい
Shineidai

のっぽろことぶきちょう
Nopporo kotobukicho

にしのっぽろ
Nishinopporo

ちゅうおうちょう
Chuocho

かみえべつ (のうそんちく)
Kamiebetsu (vùng nông thôn , làng)

ひがしのっぽろ (のうそんちく)
Higashinopporo (vùng nông thôn , làng)



もえるごみ
Rác cháy được



ゆうりょうのふくろ
Túi có tính phí



なまごみ
Rác tươi



かみりい
Các loại giấy



ぶらすちっく(うすい)
Nhựa (loại mỏng)



いるい
Quần áo



もえないごみ
Rác không cháy được



ゆうりょうのふくろ
Túi có tính phí



もくろい
Các loại cây , gỗ



こがたかぐ・しきもの・きんぞく
Vật dụng gia dụng nhỏ・
Thảm・Kim Loại



がらす・とうき・きんぞく
Kính・Sàn / Gốm sứ・
Kim Loại



ぶらすちっく(あつい)
Nhựa (loại dày)



しげんごみ
Rác tái chế



とうめい
びにーる
ぶくろ

Túi nilong
trong suốt



しろいろとれい
Khay xốp màu trắng



びん・かん
Chai・Lon



べっとぼとる
Chai nhựa



かみばっく
Thùng giấy



きけんごみ
Rác nguy hiểm



とうめい
びにーる
ぶくろ

Túi nilong
trong suốt



すびれーかん
Bình xịt



けいこうかん
Ống huỳnh quang



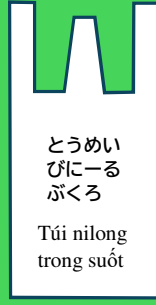
でんち
Pin



がす・おいるらいたー
Ga・Bật lửa



ぺっとぼとる
Chai nhựa



とうめい
びにーる
ぶくろ

Túi nilong
trong suốt



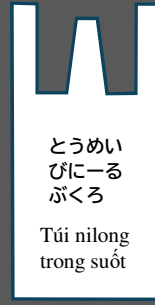
べっとぼとる
Chai nhựa

※べっとぼとるせんようのひのため、
ほかのしげんごみはだせません

Vì đây là một ngày dành riêng cho chai nhựa, không có
thùng rác nào khác có thể được giải phóng.



おむつ
Tã , Bỉm



とうめい
びにーる
ぶくろ

Túi nilong
trong suốt



しょうずみおむつ
Tã , Bỉm đã qua sử dụng

おむつふき
Khăn lau tã

かみばんつ
Tã , Bỉm giấy



10 Oct 2026

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1	2	3
4	5	PET		8	9	10
11	12			15	16	17
18	19			22	23	24
25	26			29	30	31

11 Nov 2026

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
1	2	PET	4	5	6	7
8	9		11	12	13	14
15	16		18	19	20	21
22	23		25	26	27	28
29	30					

12 Dec 2026

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1	2	3	4	5
6	7	PET	9	10	11	12
13	14		16	17	18	19
20	21		23	24	25	26
27	28		30	31		

1 Jan 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1	2
3	4	PET	6	7	8	9
10	11		13	14	15	16
17	18		20	21	22	23
24	25		27	28	29	30
31						

2 Feb 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	PET	2	3	4	5
7	8		9	10	11	12
14	15		16	17	18	19
21	22		23	24	25	26
28						

3 Mar 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	PET	2	3	4	5
7	8		9	10	11	12
14	15		16	17	18	19
21	22		23	24	25	26
28	29	30	31			

4 Apr 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1	2	3
4	5	PET	6	7	8	9
11	12		13	14	15	16
18	19		20	21	22	23
25	26		27	28	29	30

5 May 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
						1
2	3	PET	4	5	6	7
9	10		11	12	13	14
16	17		18	19	20	21
23	24		25	26	27	28
30	31					

6 Jun 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1	2	3	4	5
6	7	PET	8	9	10	11
13	14		15	16	17	18
20	21		22	23	24	25
27	28		29	30		

7 Jul 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1	2	3
4	5	PET	6	7	8	9
11	12		13	14	15	16
18	19		20	21	22	23
25	26		27	28	29	30

8 Aug 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
1	2	PET	3	4	5	6
8	9		10	11	12	13
15	16		17	18	19	20
22	23		24	25	26	27
29	30	31				

9 Sep 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1	2	3	4
5	6	PET	7	8	9	10
12	13		14	15	16	17
19	20		21	22	23	24
26	27		28	29	30	



City of Ebetsu

Garbage Collection Calendar

ごみしゅうしゅう かれんだー
Lịch Thu Gom rác

09

のっぽろすえひろちょう
Nopporosuehirocho

のっぽろすみよしちょう
Nopporosumiyoshicho



もえるごみ
Rác cháy được



ゆうりょうのふくろ
Túi có tính phí



なまごみ
Rác tươi



かみりい
Các loại giấy



ぶらすちっく(うすい)
Nhựa (loại mỏng)



いるい
Quần áo



もえないごみ
Rác không cháy được



ゆうりょうのふくろ
Túi có tính phí



もくろい
Các loại cây, gỗ



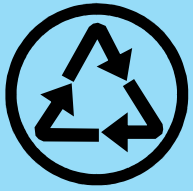
こがたかぐ・しきもの・きんぞく
Vật dụng gia dụng nhỏ・
Thảm・Kim Loại



がらす・とうき・きんぞく
Kính・Sành / Gốm sứ・
Kim Loại



ぶらすちっく(あつい)
Nhựa (loại dày)



しげんごみ
Rác tái chế



とうめい
びにーる
ぶくろ
Túi nilong
trong suốt



しろいろとれい
Khay xốp màu trắng



びん・かん
Chai・Lon



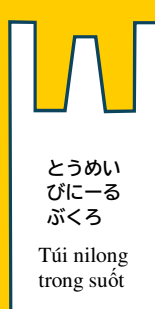
べっとぼとる
Chai nhựa



かみぱっく
Thùng giấy



きけんごみ
Rác nguy hiểm



とうめい
びにーる
ぶくろ
Túi nilong
trong suốt



すぶれーかん
Bình xịt



けいこうかん
Ống huỳnh quang



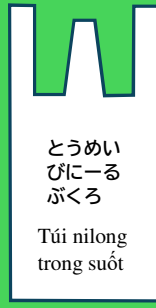
でんち
Pin



がす・おいるらいたー
Ga・Bật lửa



ぺっとぼとる
Chai nhựa



とうめい
びにーる
ぶくろ
Túi nilong
trong suốt



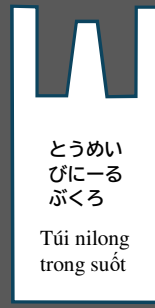
べっとぼとる
Chai nhựa

※べっとぼとるせんようのひのため、
ほかのしげんごみはだせません

※ベットボトールは、PET製のため、
ほかのしげんごみはだせません



おむつ
Tã, Bỉm



とうめい
びにーる
ぶくろ
Túi nilong
trong suốt



しょうずみおむつ
Tã, Bỉm đã qua sử dụng

おむつふき
Khăn lau tã

かみぱんつ
Tã, Bỉm giấy



10 Oct 2026

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1	2	3
4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17
18	19	20	21	22	23	24
25	26	27	28	29	30	31

11 Nov 2026

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
1	2	3	4	5	6	7
8	9	10	11	12	13	14
15	16	17	18	19	20	21
22	23	24	25	26	27	28
29	30					

12 Dec 2026

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1	2	3	4	5
6	7	8	9	10	11	12
13	14	15	16	17	18	19
20	21	22	23	24	25	26
27	28	29	30	31		

1 Jan 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1	2
3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16
17	18	19	20	21	22	23
24	25	26	27	28	29	30
31						

2 Feb 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1 	2 	3	4	5 	6
7	8 	9 	10	11	12 	13
14	15 	16 	17	18	19 	20
21	22 	23 	24	25	26 	27
28						

3 Mar 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1 	2 	3	4	5 	6
7	8 	9 	10	11	12 	13
14	15 	16 	17	18	19 	20
21	22 	23 	24	25	26 	27
28	29	30 	31			

4 Apr 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1	2 	3
4	5 	6 	7	8	9 	10
11	12 	13 	14	15	16 	17
18	19 	20 	21	22	23 	24
25	26 	27 	28	29	30 	

5 May 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
						1
2	3 	4 	5	6	7 	8
9	10 	11 	12	13	14 	15
16	17 	18 	19	20	21 	22
23	24 	25 	26	27	28 	29
30	31					

6 Jun 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1 	2	3	4 	5
6	7 	8 	9	10	11 	12
13	14 	15 	16	17	18 	19
20	21 	22 	23	24	25 	26
27	28 	29 	30			

7 Jul 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1	2 	3
4	5 	6 	7	8	9 	10
11	12 	13 	14	15	16 	17
18	19 	20 	21	22	23 	24
25	26 	27 	28	29	30 	31

8 Aug 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
1	2 	3 	4	5	6 	7
8	9 	10 	11	12	13 	14
15	16 	17 	18	19	20 	21
22	23 	24 	25	26	27 	28
29	30	31 				

9 Sep 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1	2	3 	4
5	6 	7 	8	9	10 	11
12	13 	14 	15	16	17 	18
19	20 	21 	22	23	24 	25
26	27 	28 	29	30		



City of Ebetsu

Garbage Collection Calendar

ごみしゅうしゅう かれんだー
Lịch Thu Gom rác

10

おおあさそのまち
Oasasonomachi

おおあさはるみちょう
Oasaharumicho

おおあさもとまち
Oasamotomachi

おおあさきたまち
Oasakitamachi

おおあさかえまち
Oasasakaemachi



もえるごみ
Rác cháy được



ゆうりょうのふくろ
Túi có tính phí



なまごみ
Rác tươi



かみりい
Các loại giấy



ぶらすちっく(うすい)
Nhựa (loại mỏng)



いるい
Quần áo



もえないごみ
Rác không cháy được



ゆうりょうのふくろ
Túi có tính phí



もくろい
Các loại cây, gỗ



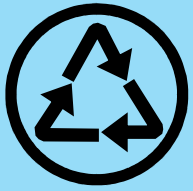
こがたかぐ・しきもの・きんぞく
Vật dụng gia dụng nhỏ・
Thảm・Kim Loại



がらす・とうき・きんぞく
Kính・Sành / Gốm sứ・
Kim Loại



ぶらすちっく(あつい)
Nhựa (loại dày)



しげんごみ
Rác tái chế



とうめい
びにーる
ぶくろ
Túi nilong
trong suốt



しろいろとれい
Khay xốp màu trắng



びん・かん
Chai・Lon



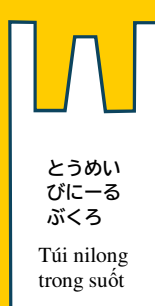
べっとぼとる
Chai nhựa



かみぱっく
Thùng giấy



きけんごみ
Rác nguy hiểm



とうめい
びにーる
ぶくろ
Túi nilong
trong suốt



すぶれーかん
Bình xịt



けいこうかん
Ống huỳnh quang



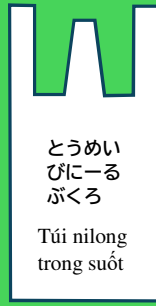
でんち
Pin



がす・おいるらいたー
Ga・Bật lửa



ぺっとぼとる
Chai nhựa



とうめい
びにーる
ぶくろ
Túi nilong
trong suốt



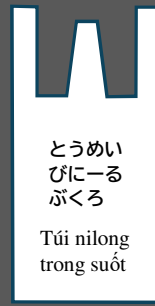
べっとぼとる
Chai nhựa

※べっとぼとるせんようのひのため、
ほかのしげんごみはだせません

※ベットボとるは、
Vật này là một ngày dành riêng cho chai nhựa, không có
thùng rác nào khác có thể được giải phóng.



おむつ
Tã, Bỉm



とうめい
びにーる
ぶくろ
Túi nilong
trong suốt



しょうずみおむつ
Tã, Bỉm đã qua sử dụng

おむつふき
Khăn lau tã

かみぱんつ
Tã, Bỉm giấy



10 Oct 2026

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1	2	3
4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17
18	19	20	21	22	23	24
25	26	27	28	29	30	31

11 Nov 2026

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
1	2	3	4	5	6	7
8	9	10	11	12	13	14
15	16	17	18	19	20	21
22	23	24	25	26	27	28
29	30					

12 Dec 2026

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1	2	3	4	5
6	7	8	9	10	11	12
13	14	15	16	17	18	19
20	21	22	23	24	25	26
27	28	29	30	31		

1 Jan 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1	2
3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16
17	18	19	20	21	22	23
24	25	26	27	28	29	30
31						

2 Feb 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1 	2 	3	4	5 	6
7	8 	9 	10	11	12 	13
14	15 	16 	17	18	19 	20
21	22 	23 	24	25	26 	27
28						

3 Mar 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1 	2 	3	4	5 	6
7	8 	9 	10	11	12 	13
14	15 	16 	17	18	19 	20
21	22 	23 	24	25	26 	27
28	29	30 	31			

4 Apr 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1	2 	3
4	5 	6 	7	8	9 	10
11	12 	13 	14	15	16 	17
18	19 	20 	21	22	23 	24
25	26 	27 	28	29	30 	

5 May 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
						1
2	3 	4 	5	6	7 	8
9	10 	11 	12	13	14 	15
16	17 	18 	19	20	21 	22
23	24 	25 	26	27	28 	29
30	31					

6 Jun 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1 	2	3	4 	5
6	7 	8 	9	10	11 	12
13	14 	15 	16	17	18 	19
20	21 	22 	23	24	25 	26
27	28 	29 	30			

7 Jul 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1	2 	3
4	5 	6 	7	8	9 	10
11	12 	13 	14	15	16 	17
18	19 	20 	21	22	23 	24
25	26 	27 	28	29	30 	31

8 Aug 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
1	2	3 	4	5	6 	7
8	9 	10 	11	12	13 	14
15	16 	17 	18	19	20 	21
22	23 	24 	25	26	27 	28
29	30 	31 				

9 Sep 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1	2	3 	4
5	6 	7 	8	9	10 	11
12	13 	14 	15	16	17 	18
19	20 	21 	22	23	24 	25
26	27 	28 	29	30		



City of Ebetsu

Garbage Collection Calendar

ごみしゅうしゅう かれんだー
Lịch Thu Gom rác

11

おおあさみやまち おおあさなかもち おおあささわまち
Oasamiyamachi Oasanakamachi Oasasawamachi

おおあさおうぎまち おおあさにしまち
Oasaogimachi Oasanishimachi

おおあさくらぎちょう おおあさひかりまち
Oasakuragicho Oasahikarimachi



もえるごみ
Rác cháy được



ゆうりょうのふくろ
Túi có tính phí



なまごみ
Rác tươi



かみりい
Các loại giấy



ぶらすちく(うすい)
Nhựa (loại mỏng)



いるい
Quần áo



もえないごみ
Rác không cháy được



ゆうりょうのふくろ
Túi có tính phí



もくろい
Các loại cây, gỗ



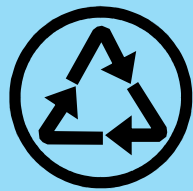
こがたかぐ・しきもの・きんぞく
Vật dụng gia dụng nhỏ・
Thảm・Kim Loại



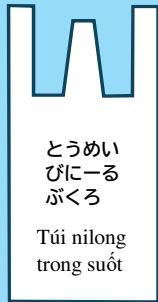
がらす・とうき・きんぞく
Kính・Sành / Gốm sứ・
Kim Loại



ぶらすちく(あつい)
Nhựa (loại dày)



しげんごみ
Rác tái chế



とうめい
びにーる
ぶくろ

Túi nilong
trong suốt



しろいろとれい
Khay xếp màu trắng



びん・かん
Chai・Lon



べつとぼとる
Chai nhựa



かみばつく
Thùng giấy



きけんごみ
Rác nguy hiểm

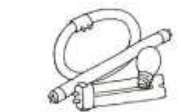


とうめい
びにーる
ぶくろ

Túi nilong
trong suốt



すぶれーかん
Bình xịt



けいこうかん
Ống huỳnh quang



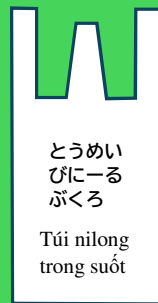
でんち
Pin



がす・おいるらいたー
Ga・Bật lửa



ぺつとぼとる
Chai nhựa



とうめい
びにーる
ぶくろ

Túi nilong
trong suốt



べつとぼとる
Chai nhựa

※べつとぼとるせんようのひのため、
ほかのしげんごみはだせません

※ベペットは一日専用のため、
ほかのしげんごみはだせません

Vì đây là một ngày dành riêng cho chai nhựa, không có
thùng rác nào khác có thể được giải phóng.



おむつ
Tã, Bỉm



とうめい
びにーる
ぶくろ

Túi nilong
trong suốt



しょうずみおむつ
Tã, Bỉm đã qua sử dụng

おむつふき
Khăn lau tã

かみばんつ
Tã, Bỉm giấy



10 Oct 2026

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1	2	3
4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17
18	19	20	21	22	23	24
25	26	27	28	29	30	31

11 Nov 2026

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
1	2	3	4	5	6	7
8	9	10	11	12	13	14
15	16	17	18	19	20	21
22	23	24	25	26	27	28
29	30					

12 Dec 2026

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1	2	3	4	5
6	7	8	9	10	11	12
13	14	15	16	17	18	19
20	21	22	23	24	25	26
27	28	29	30	31		

1 Jan 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1	2
3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16
17	18	19	20	21	22	23
24	25	26	27	28	29	30
31						

2 Feb 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3	4	5	6
7	8	9	10	11	12	13
14	15	16	17	18	19	20
21	22	23	24	25	26	27
28						

3 Mar 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3	4	5	6
7	8	9	10	11	12	13
14	15	16	17	18	19	20
21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31			

4 Apr 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1	2	3
4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17
18	19	20	21	22	23	24
25	26	27	28	29	30	

5 May 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
						1
2	3	4	5	6	7	8
9	10	11	12	13	14	15
16	17	18	19	20	21	22
23	24	25	26	27	28	29
30	31					

6 Jun 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1	2	3	4	5
6	7	8	9	10	11	12
13	14	15	16	17	18	19
20	21	22	23	24	25	26
27	28	29	30			

7 Jul 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1	2	3
4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17
18	19	20	21	22	23	24
25	26	27	28	29	30	31

8 Aug 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
1	2	3	4	5	6	7
8	9	10	11	12	13	14
15	16	17	18	19	20	21
22	23	24	25	26	27	28
29	30	31				

9 Sep 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1	2	3	4
5	6	7	8	9	10	11
12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25
26	27	28	29	30		



City of Ebetsu

Garbage Collection Calendar

ごみしゅうしゅう かれんだー
Lịch Thu Gom rác

12

おおあさたかまち
Oasatakamachi

おおあさひがしまち
Oasahigashimachi

おおあさみなきちょう
Oasaminakicho

おおあさしんまち
Oasashimmachi

おおあさいずみちょう
Oasaizumicho

もとのつぽろ (しがいち)
Motonopporo (khu phố)

みはら
Mihara



もえるごみ
Rác cháy được



ゆうりょうのふくろ
Túi có tính phí



なまごみ
Rác tươi



かみりい
Các loại giấy



ぶらすちっく(うすい)
Nhựa (loại mỏng)



いるい
Quần áo



もえないごみ
Rác không cháy được



ゆうりょうのふくろ
Túi có tính phí



もくろい
Các loại cây, gỗ



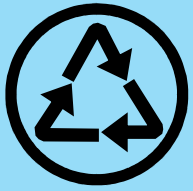
こがたかぐ・しきもの・きんぞく
Vật dụng gia dụng nhỏ・
Thảm・Kim Loại



がらす・とうき・きんぞく
Kính・Sành / Gốm sứ・
Kim Loại



ぶらすちっく(あつい)
Nhựa (loại dày)



しげんごみ
Rác tái chế



とうめい
びにーる
ぶくろ

Túi nilong
trong suốt



しろいろとれい
Khay xếp màu trắng



びん・かん
Chai・Lon



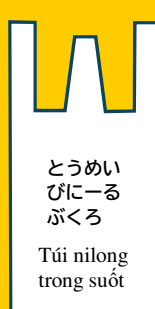
べっとぼとる
Chai nhựa



かみぱっく
Thùng giấy



きけんごみ
Rác nguy hiểm



とうめい
びにーる
ぶくろ

Túi nilong
trong suốt



すぶれーかん
Bình xịt



けいこうかん
Ống huỳnh quang



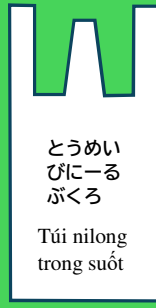
でんち
Pin



がす・おいるらいたー
Ga・Bật lửa



ぺっとぼとる
Chai nhựa



とうめい
びにーる
ぶくろ

Túi nilong
trong suốt



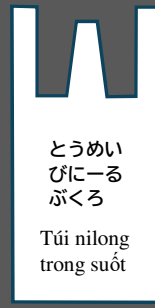
べっとぼとる
Chai nhựa

※べっとぼとるせんようのひのため、
ほかのしげんごみはだせません

Vì đây là một ngày dành riêng cho chai nhựa, không có
thùng rác nào khác có thể được giải phóng.



おむつ
Tã, Bỉm



とうめい
びにーる
ぶくろ

Túi nilong
trong suốt



しょうずみおむつ
Tã, Bỉm đã qua sử dụng

おむつふき
Khăn lau tã

かみぱんつ
Tã, Bỉm giấy



10 Oct 2026

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1	2	3
4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17
18	19	20	21	22	23	24
25	26	27	28	29	30	31

11 Nov 2026

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
1	2	3	4	5	6	7
8	9	10	11	12	13	14
15	16	17	18	19	20	21
22	23	24	25	26	27	28
29	30					

12 Dec 2026

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1	2	3	4	5
6	7	8	9	10	11	12
13	14	15	16	17	18	19
20	21	22	23	24	25	26
27	28	29	30	31		

1 Jan 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1	2
3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16
17	18	19	20	21	22	23
24	25	26	27	28	29	30
31						

2 Feb 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3	4	5	6
7	8	9	10	11	12	13
14	15	16	17	18	19	20
21	22	23	24	25	26	27
28						

3 Mar 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3	4	5	6
7	8	9	10	11	12	13
14	15	16	17	18	19	20
21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31			

4 Apr 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1	2	3
4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17
18	19	20	21	22	23	24
25	26	27	28	29	30	

5 May 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
						1
2	3	4	5	6	7	8
9	10	11	12	13	14	15
16	17	18	19	20	21	22
23	24	25	26	27	28	29
30	31					

6 Jun 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1	2	3	4	5
6	7	8	9	10	11	12
13	14	15	16	17	18	19
20	21	22	23	24	25	26
27	28	29	30			

7 Jul 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1	2	3
4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17
18	19	20	21	22	23	24
25	26	27	28	29	30	31

8 Aug 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
1	2	3	4	5	6	7
8	9	10	11	12	13	14
15	16	17	18	19	20	21
22	23	24	25	26	27	28
29	30	31				

9 Sep 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1	2	3	4
5	6	7	8	9	10	11
12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25
26	27	28	29	30		



City of Ebetsu

Garbage Collection Calendar

ごみしゅうしゅう かれんだー
Lịch Thu Gom rác

13

しのつ
Shinotsu
なかじま
Nakajima
やはた
Yahata



もえるごみ
Rác cháy được



江別市指定ごみ袋
5リットル
ゆうりょうのふくろ
Túi có tính phí



なまごみ
Rác tươi



かみりい
Các loại giấy



ぶらすちっく(うすい)
Nhựa (loại mỏng)



いるい
Quần áo



もえないごみ
Rác không cháy được



江別市指定ごみ袋
5リットル
ゆうりょうのふくろ
Túi có tính phí



もくろい
Các loại cây, gỗ



こがたかぐ・しきもの・きんぞく
Vật dụng gia dụng nhỏ・
Thảm・Kim Loại



がらす・とうき・きんぞく
Kính・Sành / Gốm sứ・
Kim Loại



ぶらすちっく(あつい)
Nhựa (loại dày)



しげんごみ
Rác tái chế



とうめい
びにーる
ぶくろ
Túi nilong
trong suốt



しろいろとれい
Khay xếp màu trắng



びん・かん
Chai・Lon



べっとぼとる
Chai nhựa



かみばつく
Thùng giấy



きけんごみ
Rác nguy hiểm



とうめい
びにーる
ぶくろ
Túi nilong
trong suốt



すぶれーかん
Bình xịt



けいこうかん
Ống huỳnh quang



でんち
Pin



がす・おいるらいたー
Ga・Bật lửa



PET
ぺっとぼとる
Chai nhựa



とうめい
びにーる
ぶくろ
Túi nilong
trong suốt

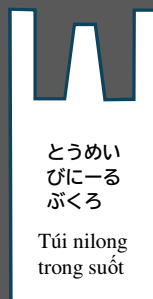


べっとぼとる
Chai nhựa

※べっとぼとるせんようのひのため、
ほかのしげんごみはだせません
Vì đây là một ngày dành riêng cho chai nhựa, không có
thùng rác nào khác có thể được giải phóng.



おむつ
Tã, Bỉm



とうめい
びにーる
ぶくろ
Túi nilong
trong suốt



しょうずみおむつ
Tã, Bỉm đã qua sử dụng



おむつふき
Khăn lau tã



かみばんつ
Tã, Bỉm giấy

10 Oct 2026

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1 PET	2	3
4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17
18	19	20	21	22	23	24
25	26	27	28	29	30	31

11 Nov 2026

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
1	2	3	4	5 PET	6	7
8	9	10	11	12	13	14
15	16	17	18	19	20	21
22	23	24	25	26	27	28
29	30					

12 Dec 2026

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1	2	3 PET	4	5
6	7	8	9	10	11	12
13	14	15	16	17	18	19
20	21	22	23	24	25	26
27	28	29	30	31		

1 Jan 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1	2
3	4	5	6	7 PET	8	9
10	11	12	13	14	15	16
17	18	19	20	21	22	23
24	25	26	27	28	29	30
31						

2 Feb 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2  	3	4 	5  	6
7	8	9  	10	11  	12  	13
14	15	16  	17	18  	19  	20
21	22	23  	24	25  	26  	27
28						

3 Mar 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2  	3	4 	5  	6
7	8	9  	10	11  	12  	13
14	15	16  	17	18  	19  	20
21	22	23  	24	25  	26  	27
28	29	30  	31			

4 Apr 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1 	2  	3
4	5	6  	7	8  	9  	10
11	12	13  	14	15  	16  	17
18	19	20  	21	22  	23  	24
25	26	27  	28	29	30  	

5 May 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
						1
2	3	4  	5	6 	7  	8
9	10	11  	12	13  	14  	15
16	17	18  	19	20  	21  	22
23	24	25  	26	27  	28  	29
30	31					

6 Jun 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1  	2	3 	4  	5
6	7	8  	9	10  	11  	12
13	14	15  	16	17  	18  	19
20	21	22  	23	24  	25  	26
27	28	29  	30			

7 Jul 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1 	2  	3
4	5	6  	7	8  	9  	10
11	12	13  	14	15  	16  	17
18	19	20  	21	22  	23  	24
25	26	27  	28	29	30  	31

8 Aug 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
1	2	3  	4	5 	6  	7
8	9	10  	11	12  	13  	14
15	16	17  	18	19  	20  	21
22	23	24  	25	26  	27  	28
29	30	31  				

9 Sep 2027

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1	2 	3  	4
5	6	7  	8	9  	10  	11
12	13	14  	15	16  	17  	18
19	20	21  	22	23  	24  	25
26	27	28  	29	30		